

## BÀI TẬP LISTENING VÀ READING – Buổi 4

### I. Đọc hiểu script và dưới mỗi đoạn chọn 3 ý đúng được đề cập

#### *Audioscript*

#### *Ví dụ mẫu*

#### **Đoạn 1**

Hi! I'm Katie and I want to tell you about a trip I went on recently along the river in my town, to watch bats! Have you ever seen bats flying around on a summer's evening? I have – and they're pretty amazing, so I was excited about this trip! My dad organised it, and he'd also invited a family friend, who trained as a biology teacher but now works in animal conservation. Dad probably thought he'd tell us all about the bats, but it turned out we also had a bat expert on board as our guide!

- A. chuyến đi Katie tới dòng sông
- B. Katie thấy thích thú về chuyến đi thăm các chú dơi
- C. Bố Katie mời một người bạn là giáo viên dạy thể dục
- D. Có một chuyên gia về dơi khác sẽ hướng dẫn họ đi

---

#### **Đoạn 2**

The boat we went on was quite narrow and flat, and it moved a bit when we got in, so I wasn't convinced it was secure. But luckily we had a chauffeur, who was like a driver, who took us smoothly along the river. I found the boat was actually very comfortable. And it didn't disturb the wildlife, as it was almost completely silent.

#### **Chọn 3 ý đúng được đề cập trong đoạn:**

- A. Chiếc thuyền khá hẹp và phẳng
- B. Katie cảm thấy con thuyền rất nguy hiểm suốt chuyến đi
- C. Có một người lái thuyền đưa họ đi dọc theo dòng sông
- D. Con thuyền di chuyển êm ái và không làm ảnh hưởng đến động vật hoang dã

---

#### **Đoạn 3**

As we went along, the guide gave us some information about bats. Apparently, they're essential to nature all over the world, because not only do they eat insects that damage crops, but they also drop seeds over a wide area, which gives plants the chance to grow over larger areas.

#### **Chọn 3 ý đúng được đề cập trong đoạn:**

- A. Dơi đóng vai trò quan trọng đối với thiên nhiên
- B. Dơi chỉ sống ở một vài quốc gia nhất định
- C. Dơi ăn côn trùng gây hại cho mùa màng
- D. Dơi giúp phát tán hạt giống giúp cây cối phát triển

---

#### Đoạn 4

The main diet of bats is insects, and scientists believe some need to eat as many 3,000 a night in order to survive. In cool summers when there aren't many insects, bats can soon become exhausted if they're flying around hunting but not catching anything. At that point they may need help from a bat rescue group, to feed them and prevent them from also becoming very thirsty.

**Chọn 3 ý đúng được đề cập trong đoạn:**

- A. Dơi chủ yếu ăn côn trùng
- B. Một số con dơi cần ăn tới 3.000 con côn trùng mỗi đêm
- C. Mùa hè mát mẻ luôn là thời điểm lý tưởng cho dơi
- D. Nhóm cứu hộ dơi có thể giúp khi dơi bị kiệt sức

---

#### Đoạn 5

Now bats make lots of sounds while they're flying around in the dark. These sounds bounce off objects and tell the bats about their location. But a human ear can't hear these sounds, so we were each given a device known as a bat detector so we could listen to them! It looked like a radio, but all that came out were the noises of different bats flying around us. It reminded me a bit of, not a choir exactly, but a weird sort of orchestra! And this one definitely hadn't practised! Anyway, our bat expert was able to distinguish between the different sounds the animals were making, and in all, we identified three different species!

**Chọn 3 ý đúng được đề cập trong đoạn:**

- A. Dơi phát ra âm thanh để xác định vị trí xung quanh
- B. Tai người có thể nghe rõ âm thanh của dơi
- C. Mỗi người được phát một thiết bị dò dơi
- D. Họ xác định được ba loài dơi khác nhau

---

#### Đoạn 6

During the day, the weather had been warm, but in the evening, a wind started blowing, and the temperature dropped. We'd expected that, so we'd brought along sweaters to keep us warm, but even so it was great to have some warm blankets that the company had in the boat. I noticed there were some umbrellas, too, which would have been useful if the weather had changed.

**Chọn 3 ý đúng được đề cập trong đoạn:**

- A. Thời tiết trở nên lạnh hơn vào buổi tối
- B. Katie và mọi người đã chuẩn bị áo ấm
- C. Trên thuyền có sẵn chăn ấm
- D. Trời đã mưa to trong suốt chuyến đi

---

#### Đoạn 7

As the wind blew across more the open parts of the river, there were fewer bats to spot. We were constantly passing under trees with branches that hung down into the water, and

beneath bridges where I thought some bats might be keeping out of the wind. But it wasn't until we got to a long sheltered stretch of river with a hedge along it that several bats decided to come out again and catch insects.

**Chọn 3 ý đúng được đề cập trong đoạn:**

- A. Ở nơi nhiều gió, số lượng dơi ít hơn
- B. Dơi thường trú ẩn dưới cầu và tán cây
- C. Nhiều dơi xuất hiện ở đoạn sông kín gió
- D. Dơi chỉ sống ở những nơi hoàn toàn không có cây

---

**Đoạn 8**

We were lucky to see other wild creatures too. It was too dark to spot any ducks by then, but Dad's friend pointed out some owls that appeared over our heads during the trip. They were amazing to watch! Then a couple of swans swam alongside us and made angry noises – we may have been too close to their nest.

**Chọn 3 ý đúng được đề cập trong đoạn:**

- A. Họ nhìn thấy chim cú trong chuyến đi
- B. Katie thấy vịt bơi rất rõ vào ban đêm
- C. Một cặp thiên nga bơi gần thuyền
- D. Thiên nga phát ra tiếng kêu tức giận

---

**Đoạn 9**

It was a wonderful trip, and as a result I'm now planning to train with the bat rescue group, and to raise money to help them. It was also good to know that what we paid for our tickets was contributing to helping the bats. So not only was the trip fun, there were lots of benefits for the charity too. I can really recommend the experience!

**Chọn 3 ý đúng được đề cập trong đoạn:**

- A. Chuyến đi chỉ mang tính giải trí, không có lợi ích nào khác
- B. Tiền vé giúp hỗ trợ hoạt động bảo tồn dơi
- C. Katie muốn tham gia huấn luyện với nhóm cứu hộ dơi
- D. Katie khuyên mọi người nên thử trải nghiệm này

## II. Phân tích câu hỏi:

### HƯỚNG DẪN LÀM BÀI TRƯỚC KHI NGHE (45 GIÂY VÀNG)

👉 Trong 45 giây đầu tiên trước khi audio được bắt, em **bắt buộc** phải hoàn thành đầy đủ các bước sau để **làm chủ bài nghe**, thay vì ngồi chờ may mắn.

#### BƯỚC 1: DỊCH CÂU HỎI RA TIẾNG VIỆT

- Đọc **từng câu hỏi**
- Dịch nhanh sang tiếng Việt trong đầu hoặc ghi ra nháp
  - ➡ Mục tiêu: **Hiểu rõ mình đang nghe về cái gì**, ai làm gì, trong hoàn cảnh nào.

#### BƯỚC 2: DỰ ĐOÁN TỪ CẦN ĐIỀN

Với mỗi chỗ trống, hãy tự hỏi:

- Đây là **noun / verb / adjective / adverb**?
- Từ này nói về **con người - đồ vật - cảm xúc - hành động - kết quả - nơi chốn**?
  - ➡ Không cần đoán từ chính xác, chỉ cần đoán đúng loại từ và ý nghĩa chung.

#### BƯỚC 3: LẶP LẠI THAO TÁC ĐỂ TẠO “NEO NÃO BỘ”

- Thực hiện **ít nhất 2 lần**,
- **Tốt nhất là 3 lần**:
  - đọc lại câu hỏi
  - kiểm tra lại dự đoán loại từ
    - ➡ Não bộ càng gặp lại thông tin nhiều lần trong thời gian ngắn, **khả năng nhận ra từ khi nghe càng cao**.

## Phân tích câu hỏi – Bài tập luyện tập

(9) Katie and her dad were joined on their trip by a family friend, whose job involves .....  
(9) .....

Câu hỏi:

Chỗ trống cần điền loại từ nào?

- a. một **Noun** chỉ nghề nghiệp / lĩnh vực công việc
- b. một **Adjective** chỉ cảm xúc
- c. một **Noun** chỉ mối quan hệ gia đình

(10)

Katie describes the boat they went on as not feeling (10) ..... initially.

Câu hỏi:

- a. một **Verb**
- b. một **Adjective** mô tả cảm giác
- c. một **Noun** chỉ đồ vật

(11)

Their guide said that one reason bats are important is for helping to spread (11) .....

Câu hỏi:

- a. một **Verb** nguyên thể
- b. một **Noun** trừu tượng / danh từ chung
- c. một **Adjective**

(12)

Katie learnt that a shortage of insects can quickly cause (12) ..... in bats out hunting.

Câu hỏi:

- a. một **Noun** chỉ kết quả / vấn đề
- b. một **Adjective**
- c. một **Adverb**

(13)

Katie used a machine called a (13) ..... to hear the sounds the bats made.

Câu hỏi:

- a. một **Verb**
- b. một **Noun** chỉ thiết bị / máy móc
- c. một **Adjective**

(14)

Katie compares the sounds of bats calling to a strange kind of (14) .....

Câu hỏi:

- a. một **Noun**
- b. một **Verb**
- c. một **Adjective**

**(15)**

**Katie was grateful for the (15) ..... that had been supplied for the trip.**

Câu hỏi:

- a. một **Verb** ở dạng quá khứ
- b. một **Adjective** chỉ cảm xúc
- c. một **Noun** chỉ đồ dùng / vật được cung cấp

**(16)**

**A number of bats appeared on part of the river with a long (16) ..... on the bank.**

Câu hỏi:

- a. một **Noun** chỉ đặc điểm địa hình / vật thể
- b. một **Verb**
- c. một **Adjective**

**(17)**

**Their friend managed to spot some (17) ..... above them during their trip.**

Câu hỏi:

- a. một **Verb** nguyên thể
- b. một **Noun** số nhiều (vật / sinh vật nhìn thấy được)
- c. một **Adjective**

**(18)**

**Katie was pleased that the money from their tickets was going to a (18) .....**

Câu hỏi:

- a. một **Verb**
- b. một **Noun** chỉ tổ chức / mục đích
- c. một **Adjective**

**II. You will hear a girl called Katie giving a class presentation about a bat-watching trip she went on recently. For questions 9-18, complete the sentences with a word or short phrase.**

### **Bat-watching trip**

Katie and her dad were joined on their trip by a family friend, whose job involves (9) .....

Katie describes the boat they went on as not feeling (10) .....initially.

Their guide said that one reason bats are important is for helping to spread (11) .....

Katie learnt that a shortage of insects can quickly cause (12) ..... in bats out hunting.

Katie used a machine called a (13) ..... to hear the sounds the bats made.

Katie compares the sounds of bats calling to a strange kind of (14) .....

Katie was grateful for the (15) ..... that had been supplied for the trip.

A number of bats appeared on part of the river with a long (16) ..... on the bank.

Their friend managed to spot some (17) ..... above them during their trip.

Katie was pleased that the money from their tickets was going to a (18) .....

### III. Dictation – Chép chính tả

<https://dolacademy.vn/nghe-chep-chinh-ta-tieng-anh/the-football-stadium>



#### Trích IELTS PART 2 – The Football Stadium

1. Gõ những gì nghe được trước sau đó bấm kiểm tra

← Câu 1/42 → 8 từ EASY HARD

00:00/00:03 1x ↻

Good morning man welcome to City Football Club.

Microphone icon

● Nhấn phím **Enter** để kiểm tra.  
Chuyển qua Unikey Eng để tránh lỗi typing trên Macbook.

Làm lại Kiểm tra

2. Xem gợi ý để làm lại theo từng chữ như bên dưới, không được xem gợi ý cả câu. Việc nhận biết lỗi sai từng chữ giúp em nhận ra các âm mình chưa quen và tăng độ kỹ khi nghe

← Câu 1/42 → 8 từ EASY HARD

00:00/00:03 1x ↻

Good morning **man** welcome to City Football Club.

Microphone icon

✖ Chưa đúng! Bạn xem gợi ý để làm lại nhé!

Good morning **and** \*\*\*\*\* \*.\*.\*.\*

\*\*\*\*\* \*.\*.\*.\*

● Kiểm tra

3. Làm từ **câu 1 đến câu 5** đến khi 5 câu đúng thì **chụp màn hình gửi chị**

×

Ấn danh sách câu hỏi

1 2 3 4 5

6 7 8 9 10

#### IV. Reading

##### Đọc trước phần dịch tiếng Việt để chuẩn bị cho buổi học sau

## Natural navigation / Định hướng tự nhiên

*Max Davidson learns how to find his way using only stars, sun, trees and wind*

*Max Davidson học cách tìm đường chỉ bằng các vì sao, mặt trời, cây cối và gió.*

'Take the Circle, District or Piccadilly Line to South Kensington, then walk up Exhibition Road. It will take you between 10 and 15 minutes. The Royal Geographical Society is on the junction between Exhibition Road and Kensington Gore.'

*"Hãy đi tuyến Circle, District hoặc Piccadilly đến South Kensington, sau đó đi bộ dọc theo Exhibition Road. Mất khoảng từ 10 đến 15 phút. Hội Địa lý Hoàng gia nằm ở ngã giao giữa Exhibition Road và Kensington Gore."*

The instructions are idiot-proof that at 9 am precisely all seven of us are in our places, like expectant schoolchildren.

*Chỉ dẫn rõ ràng đến mức không thể nhầm lẫn, nên đúng 9 giờ sáng, cả bảy người chúng tôi đều có mặt đầy đủ, giống như những học sinh đang hồi hộp chờ đợi.*

A man in a check suit, with a neatly trimmed beard, enters and introduces himself. 'Tristan Gooley. Welcome.' He flashes a shy smile. 'Just to put this all into context, I think I can safely say that you are the only people in the world studying this particular topic today. It is quite an intro. There are a few oohs and aahs from the audience. Tristan Gooley, navigator extraordinaire, has his audience in the palm of his hand. We are here because we are curious about how you get from A to B. And if you are curious about how to get from A to B, who better to ask than Tristan Gooley? He is the only man alive who has both flown and sailed solo across the Atlantic. You can't argue with that sort of CV.'

*Một người đàn ông mặc bộ vest kẻ caro, để râu được tết gọn gàng, bước vào và tự giới thiệu: "Tristan Gooley. Xin chào." Ông mỉm cười có phần rụt rè. "Để đặt mọi thứ vào đúng bối cảnh, tôi nghĩ mình có thể nói một cách chắc chắn rằng các bạn là những người duy nhất trên thế giới hôm nay đang học về chủ đề đặc biệt này." Lời mở đầu khá ấn tượng, khiến khán giả bật lên vài tiếng trầm trồ. Tristan Gooley – bậc thầy định hướng – nhanh chóng thu hút hoàn toàn sự chú ý của người nghe. Chúng tôi có mặt ở đây vì tò mò về cách con người di từ điểm A đến điểm B. Và nếu bạn tò mò về điều đó, thì còn ai phù hợp để hỏi hơn Tristan Gooley? Ông là người duy nhất còn sống đã từng bay một mình và chèo thuyền một mình vượt Đại Tây Dương. Với bản lý lịch như vậy, thật khó mà phản bác.*

'Natural navigation', his new baby, is exactly what that phrase suggests: route-finding that depends on interpreting natural signs – the sun, the stars, the direction of the wind, the alignment of the trees – rather than using maps, compasses or the ubiquitous satnav. 'Of course, 99.9 per cent of the time, you know where you are and you find wherever it is you want to get to. But if you don't ...' Gooley pauses theatrically, 'there is a lot to be said for understanding the science of navigation and direction-finding. If people become too dependent on technology, they can lose connection with nature, which is a pity.'

*"Định hướng tự nhiên" – đúra con tinh thần mới của ông – đúng như tên gọi của nó: tìm đường bằng cách diễn giải các dấu hiệu tự nhiên như mặt trời, các vì sao, hướng gió, sự sắp xếp của cây*

cối, thay vì dựa vào bản đồ, la bàn hay thiết bị định vị vệ tinh phổ biến ngày nay. "Đĩ nhiên, 99,9% thời gian, bạn biết mình đang ở đâu và có thể đến được nơi mình muốn," Gooley nói. "Nhưng nếu không thì sao...?" Ông ngừng lại đầy kịch tính. "Hiểu về khoa học định hướng và xác định phương hướng thực sự rất đáng giá. Khi con người phụ thuộc quá nhiều vào công nghệ, họ có thể mất đi sự kết nối với thiên nhiên – điều đó thật đáng tiếc."

The natural navigator's best friend, inevitably, is the sun. 'We all know that it rises in the east, sets in the west, at its zenith, is due south. But if it is, say, three in the afternoon and you are lost in the desert, how do you get your bearings?' The answer, says Gooley, is to find a stick. By noting the different places where its shadow falls over a short period of time, you will quickly locate the east-west axis. 'The sun influences things even if you can't see it,' he explains. 'You might not be in the desert, but walking along a forest track in Britain. One side of the track is darker in colour than the other. "Ah-ha!" thinks the natural navigator. "It is darker because it is damper, which means it is getting less sun, because it is shaded by the trees, which means that south is that way." You can now stride confidently southwards – or in whichever direction you wish to head – without fiddling with a map.'

*Người bạn thân thiết nhất của người định hướng tự nhiên, dĩ nhiên, là mặt trời. "Ai cũng biết mặt trời mọc ở hướng đông, lặn ở hướng tây, và khi ở đỉnh cao nhất thì nằm đúng hướng nam. Nhưng nếu, chẳng hạn, là ba giờ chiều và bạn bị lạc giữa sa mạc, làm sao để xác định phương hướng?" Câu trả lời, theo Gooley, là hãy tìm một cái gậy. Bằng cách quan sát những vị trí khác nhau mà bóng của nó đổ xuống trong một khoảng thời gian ngắn, bạn sẽ nhanh chóng xác định được trực đông-tây. "Mặt trời tác động đến mọi thứ ngay cả khi bạn không nhìn thấy nó," ông giải thích. "Bạn có thể không ở sa mạc mà đang đi dọc một lối mòn trong rừng ở Anh. Một bên đường có màu sẫm hơn bên kia. À ha!" người định hướng tự nhiên nghĩ. "Tôi hơn vì ẩm hơn, ẩm hơn vì ít ánh nắng hơn, ít nắng hơn vì bị cây cối che khuất, vậy hướng nam ở phía đó." Thế là bạn có thể tự tin sải bước về phía nam – hoặc bất cứ hướng nào bạn muốn đi – mà không cần loay hoay với bản đồ."*

As the day wears on, the detective work forces us to look at the world in new and unexpected ways. Just when we think we are getting the hang of it, Gooley sets us a particularly difficult task. A photograph of a house comes up on the screen. An orange sun is peeping over the horizon behind the house. There is a tree in the foreground. 'Just study the picture for a few minutes,' Gooley says, 'and tell me in which direction the photographer is pointing the camera.' Tricky. Very tricky. Is the sun rising or setting? Is the tree growing straight up or leaning to the right? Is that a star twinkling over the chimney? Are we in the northern or southern hemisphere? 'South-east,' I say firmly, having analysed the data in a minute and a half. 'Not quite.' 'Am I close?' 'Not really. The answer is north-west.' Ah well. Only 180 degrees out.

*Khi ngày trôi dần, công việc "thám tử" này buộc chúng ta phải nhìn thế giới theo những cách mới mẻ và bất ngờ: Ngay lúc ta tưởng rằng mình đã nắm được cách làm, Gooley lại giao cho một nhiệm vụ đặc biệt khó. Trên màn hình hiện lên một bức ảnh chụp một ngôi nhà. Một mặt trời màu cam đang ló lên trên đường chân trời phía sau ngôi nhà. Có một cái cây ở tiền cảnh. "Hãy quan sát bức ảnh vài phút," Gooley nói, "và cho tôi biết nhiếp ảnh gia đang chĩa máy ảnh về hướng nào." Khó thật. Rất khó. Mặt trời đang mọc hay đang lặn? Cây mọc thẳng hay nghiêng sang phải? Kia có phải là một ngôi sao đang lấp lánh trên ống khói không? Chúng ta đang ở bán cầu bắc hay bán cầu nam? "Đông nam," tôi nói chắc nịch, sau khi phân tích dữ liệu trong một phút rưỡi. "Chưa đúng hẳn." "Tôi đoán gần đúng chứ?" "Không hẳn. Đáp án là tây bắc." Thôi vậy. Lệch có 180 độ thôi mà.*

Still, if I am bottom of the class, I have caught the natural navigation bug. What a fascinating science, both mysterious and universal. It is hardly what you would call a practical skill: there are too many man-made aids to navigation at our disposal. But it connects us, thrillingly, to the world around us – and to those long-dead ancestors who circled the globe with nothing but stars to guide them. It reminds us what it means to be human.

*Dù sao thì, cho dù tôi có đứng bét lớp, tôi đã “nhiễm” niềm đam mê định hướng tự nhiên. Thật là một môn khoa học hấp dẫn, vừa huyền bí vừa mang tính phổ quát. Nó khó có thể gọi là một kỹ năng thực tế: chúng ta có quá nhiều công cụ định hướng do con người tạo ra. Nhưng nó kết nối chúng ta, một cách đầy phấn khích, với thế giới xung quanh – và với những tổ tiên đã khuất từ lâu, những người từng đi vòng quanh địa cầu chỉ với các vì sao làm kim chỉ nam. Nó nhắc nhở chúng ta về ý nghĩa của việc làm người.*